

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 2950 /KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	232	250	261	267	297
	Trong đó:						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	188	219	220	224	254
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	48	30	36	45	40
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	13	5	7	10	10
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX					
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao	HTX	10		12	12	14
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX					
	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX		5		5	5
	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX					
	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX					
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã	42				
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	10.212	10.500	10.442	10.500	10.800
	Trong đó:						
	Số thành viên mới	Thành viên	425	250	329	79	370
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên	91	35	99	21	70
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.053	1.500	1.468	1.500	1.700
	Trong đó:						
	Số lao động thường xuyên mới	Người	93	90	238	60	150
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	850	900	1.100	1.160	1.300
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	443	533	620	638	728
	Trong đó:						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	303	383	458	473	548
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	140	150	162	165	180
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	1.500			1.305	
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	272			290	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	50			50	
II	Liên hiệp hợp tác xã						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	1	1	1	1	
	Trong đó:						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX					
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	5	5	5	5	
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người					

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
III	Tổ hợp tác						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	226	250	260	270	310
	<i>Trong đó:</i>						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	2.384	2.500	2.507	2.537	2.657
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	175	150	123	30	120
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 2950 /KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
1	HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	232	250	261	267	297
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư -	HTX	165	177	180	186	206
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu	HTX	10	11	13	13	15
	Hợp tác xã xây dựng	HTX	4	6	15	17	20
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	5	5	5	5	5
	Hợp tác xã thương mại	HTX	40	42	40	41	44
	Hợp tác xã vận tải	HTX	8	9	8	8	10
	Hợp tác xã khác	HTX					
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	1	1	1	1	1
	Chia ra:						
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX	1	1	1	1	1
	LH hợp tác xã công nghiệp	LHHTX					
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX					
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX					
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX					
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX					
	LH hợp tác xã khác	LHHTX					
3	TỔ HỢP TÁC						
	Tổng số tổ hợp tác	THT	226	250	260	270	310
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư -	THT	175		187	192	225
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu	THT	13		16	18	20
	Tổ hợp tác xây dựng	THT					
	Tổ hợp tác tín dụng	THT					
	Tổ hợp tác thương mại	THT	38		57	60	65
	Tổ hợp tác vận tải	THT					
	Tổ hợp tác khác	THT					

Phụ lục III

**NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số 2950 /KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
1	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT							
1.1	Đào tạo							
	- Số người được cử đi đào tạo	Người				200	200	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				1.000	1.000	
1.2	Bồi dưỡng							
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	180	180	200	200	200	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	400	400	500	500	500	
2	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				30	30	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				500	500	
3	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX				30	30	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng				500	500	
4	Hỗ trợ khác	Tr đồng						
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	2	1	2	2	2	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	600	300	600	600	600	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện	Kế hoạch	Dự kiến đơn vị thực hiện	
II	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
1	Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã							
	- Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ	HTX, LHHTX						
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng						
2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT							
2.1	Đào tạo							
	- Số người được cử đi đào tạo	Người						
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng						
2.2	Bồi dưỡng							
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người						
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng						
3	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX						
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng						
4	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		12	30	40	40	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		130	252	300	300	
5	Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)							
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	2	1	2	3	3	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	250	130	250	400	400	

Phụ lục IV

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 2950 /KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2023			Kế hoạch 2024	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm		
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn							
1.1	Đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng HTX Nông nghiệp (20 HTXNN)	7000	7.000			7.000	7.000	
2	Dự án thuộc Chương trình MTQG...							
II	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
1	Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn							
2	Dự án thuộc Chương trình MTQG...							